|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  **Mã đề 707** | |
| **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC |
| (*Đề gồm có 02 trang*) |
|  | |
|  | | | |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):**

**Câu 1:** Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn. **B.**  Quy trình sản xuất khá đơn giản.

**C.**  Yêu cầu lao động có trình độ cao. **D.**  Thời gian xây dựng tương đối dài.

**Câu 2:** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng tới mạng lưới ngành dịch vụ?

**A.**  Mức sống và thu nhập thực tế. **B.**  Quy mô và cơ cấu dân số.

**C.**  Năng suất lao động của xã hội. **D.**  Sự phân bố các điểm dân cư.

**Câu 3:** Kênh đào Pa-na-ma nối liền Đại Tây Dương với

**A.** Bắc Băng Dương. **B.** Ấn Độ Dương.

**C.** Thái Bình Dương. **D.** Địa Trung Hải.

**Câu 4:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI,

GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2018** | **2020** |
| Giá trị nhập khẩu | 18500 | 23260 | 24609 | 21704 |
| Giá trị xuất khẩu | 19047 | 23880 | 25208 | 22435 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới, giai đoạn 2010 - 2020?

**A.** Nhập khẩu luôn nhỏ hơn xuất khẩu. **B.** Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

**C.** Xuất khẩu tăng nhanh và liên tục. **D.** Nhập khẩu tăng nhanh và liên tục.

**Câu 5:** Ngành vận tải đường hàng không và đường biển có chung đặc điểm là

**A.** lưu thông nội địa, quốc tế. **B.** khối lượng luân chuyển lớn.

**C.** giá rẻ, tiện nghi, linh hoạt. **D.** tốc độvận chuyển rất chậm.

**Câu 6:** Nguồn lao động dồi dào của các nước đang phát triển, tạo thuận lợi cho phát triển ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cơ khí. **B.**  Luyện kim. **C.**  Năng lượng. **D.**  Dệt - may.

**Câu 7:** Vai trò quan trọng nhất của ngành giao thông vận tải đối với nền kinh tế các quốc gia là

**A.** vận chuyển hàng hóa ra thị trường.

**B.** cung cấp vật tư, nguyên nhiên liệu.

**C.** giúp phát triển kinh tế vùng núi cao.

**D.** giúp sản xuất liên tục, bình thường.

**Câu 8:** Điểm công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Đồng nhất với một điểm dân cư. **B.** Gắn với đô thị vừa và lớn.

**C.** Có ranh giới xác định rõ ràng. **D.** Có các xí nghiệp nòng cốt.

**Câu 9:** Vận tải bằng ô tô có ưu điểm nổi bật là

**A.** chở được hàng hóa rất nặng. **B.** tốc độ vận chuyển rất nhanh.

**C.** ít gây ra ô nhiễm môi trường. **D.** sự tiện lợi, tính cơ động cao.

**Câu 10:** Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

**A.** khối lượng vận chuyển hàng hóa. **B.** sự tiện nghi, an toàn của hành khách.

**C.** khối lượng luân chuyển hàng hóa. **D.** sự chuyên chở người và hàng hóa.

**Câu 11:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

*(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Sản lượng dầu mỏ | 3605,5 | 3983,4 | 4362,9 | 4484,5 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng dầu mỏ của thế giới giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Cột. **C.** Miền. **D.** Tròn.

**Câu 12:** Sản phẩm của ngành chăn nuôi là nguyên liệu cho ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.** Hóa chất. **B.**  Cơ khí. **C.**  Thực phẩm. **D.**  Luyện kim.

**Câu 13:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có vùng lãnh thổ lớn nhất?

**A.**  Vùng công nghiệp. **B.**  Trung tâm công nghiệp.

**C.**  Khu công nghiệp. **D.**  Điểm công nghiệp.

**Câu 14:** Những hoạt động dịch vụ nào sau đây thuộc nhóm dịch vụ kinh doanh?

**A.** Bán buôn, du lịch, giáo dục. **B.** Vận tải, bảo hiểm, tài chính.

**C.** Giáo dục, y tế, bất động sản. **D.** Tài chính, bán buôn, bán lẻ.

**Câu 15:** Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

**A.**  khí hậu. **B.**  sinh vật. **C.**  nguồn nước. **D.** vị trí địa lí.

**Câu 16:** Sản phẩm của công nghiệp thực phẩm rất đa dạng, chủ yếu là nhờ

**A.**  nguyên liệu dồi dào. **B.**  nguồn lao động đông.

**C.**  áp dụng kĩ thuật thấp. **D.**  nguồn vốn đầu tư lớn.

**Câu 17:** Ngành vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất trên thế giới là

**A.** đường biển. **B.** đường ống. **C.** đường sắt. **D.** đường ô tô.

**Câu 18:** Nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hình thành các điểm du lịch là

**A.** quy mô, cơ cấu dân số. **B.** tài nguyên du lịch.

**C.** cơ cấu nền kinh tế. **D.** mức sống của người dân.

**Câu 19:** Ngành công nghiệp nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong cuộc cách mạng kĩ thuật?

**A.**  Dệt - may. **B.**  Cơ khí. **C.**  Hóa chất. **D.**  Thực phẩm.

**Câu 20:** Công nghiệp khai thác dầu khí thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.**  Năng lượng. **B.**  Cơ khí. **C.**  Hóa chất. **D.**  Luyện kim.

**Câu 21:** Nhân tố có ảnh hưởng mang tính quyết định đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là

**A.** cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.

**B.** điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.

**C.** sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

**D.** nguồn vốn đầu tư, khoa học công nghệ.

**PHẦN TỰ LUẬN ( 3,0 điểm ):**

**Câu 1** *(1,5 điểm).*Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung.

**Câu 2** *(1,5 điểm).*Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.

**------ HẾT ------**

*Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

*Họ và tên học sinh: ..............................................................; Số báo danh: .....................*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề) |
| **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC |
|  |

***ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **B** | **6** | **D** | **11** | **B** | **16** | **A** | **21** | **C** |
| **2** | **D** | **7** | **D** | **12** | **C** | **17** | **A** |  |  |
| **3** | **C** | **8** | **A** | **13** | **A** | **18** | **B** |  |  |
| **4** | **A** | **9** | **D** | **14** | **B** | **19** | **B** |  |  |
| **5** | **A** | **10** | **D** | **15** | **D** | **20** | **A** |  |  |

***ĐÁP ÁN TỰ LUẬN***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***CÂU*** | ***NỘI DUNG*** | ***ĐIỂM*** |
| ***1*** | **Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung** | ***1,5*** |
| * Khu vực có ranh giới rõ ràng; có vị trí thuận lợi. | *0,5* |
| * Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao. Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp. | *0,5* |
| * Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa để xuất khẩu | *0,5* |
| ***2*** | **Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải** | ***1,5*** |
| * Điều kiện tự nhiên quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình giao thông vận tải. | *0,5* |
| * Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải. | *0,5* |
| * Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động các phương tiện vận tải. | *0,5* |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)  **Mã đề 708** |
| **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC |
| (*Đề gồm có 02 trang*) |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm):**

**Câu 1:** Ưu điểm nổi bật nhất của ngành hàng không là

**A.** không ra gây ô nhiễm. **B.** tốc độ vận chuyển nhanh.

**C.** khối luợng vận chuyển lớn. **D.** cước phí vận chuyển rẻ.

**Câu 2:** Sử dụng vốn đầu tư ít nhưng thời gian hoàn vốn nhanh là đặc điểm của ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.**  Luyện kim. **B.**  Dệt - may. **C.** Năng lượng. **D.**  Hóa chất.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THẾ GIỚI,

GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2018** | **2020** |
| Giá trị nhập khẩu | 18500 | 23260 | 24609 | 21704 |
| Giá trị xuất khẩu | 19047 | 23880 | 25208 | 22435 |

*(Nguồn: SGK Địa lí 10 - Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới, giai đoạn 2010 - 2020?

**A.** Nhập khẩu tăng nhanh và liên tục. **B.** Xuất khẩu tăng nhanh và liên tục.

**C.** Xuất khẩu luôn nhỏ hơn nhập khẩu. **D.** Nhập khẩu luôn nhỏ hơn xuất khẩu.

**Câu 4:** Ngành vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất trên thế giới?

**A.** Đường sắt. **B.** Đường ô tô. **C.** Đường biển. **D.** Đường ống.

**Câu 5:** Vai trò quan trọng nhất của ngành giao thông vận tải đối với nền kinh tế các quốc gia là

**A.** giúp sản xuất liên tục, bình thường. **B.** cung cấp vật tư, nguyên nhiên liệu.

**C.** vận chuyển hàng hóa ra thị trường. **D.** giúp phát triển kinh tế vùng núi cao.

**Câu 6:** Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ?

**A.**  Mức sống, thu nhập thực tế. **B.**  Trình độ phát triển kinh tế.

**C.**  Năng suất lao động xã hội. **D.**  Quy mô, cơ cấu dân số.

**Câu 7:** Ngành công nghiệp điện tử - tin học có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Gây ra ô nhiễm môi trường diện rộng.

**B.**  Tiêu thụ rất nhiều nguyên liệu kim loại.

**C.**  Quy trình sản xuất tương đối đơn giản.

**D.**  Lao động có trình độ chuyên môn cao.

**Câu 8:** Ngành công nghiệp nào sau đây tạo ra công cụ, thiết bị, máy móc cho các ngành kinh tế?

**A.**  Cơ khí. **B.**  Luyện kim đen. **C.**  Điện tử. **D.** Luyện kim màu.

**Câu 9:** Vai trò quan trọng nhất của ngànhdịch vụ là

**A.** tạo ra nhiều việc làm cho người dân trong nước.

**B.** thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển.

**C.** khai thác tốt hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**D.** sử dụng tốt hơn nguồn lao động từ ngoài nước.

**Câu 10:** Ngành công nghiệp nào sau đây có lợi thế cho lao động nữ?

**A.**  Dệt - may. **B.** Năng lượng.

**C.**  Luyện kim. **D.**  Hóa chất.

**Câu 11:** Các dịch vụ nào sau đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

**A.** Vận tải, bảo hiểm và viễn thông. **B.** Tài chính, bán buôn và bán lẻ.

**C.** Bán buôn, du lịch và giáo dục. **D.** Giáo dục, y tế và bất động sản.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Sản lượng** | **2000** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Dầu mỏ *(triệu tấn)* | 3605,5 | 3983,4 | 4362,9 | 4484,5 |
| Điện *(tỉ kWh)* | 15555,3 | 21570,7 | 24266,3 | 27004,7 |

*(Nguồn: SGK Đia lí 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện trên thế giới giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Tròn. **D.** Miền.

**Câu 13:** Công nghiệp khai thác than thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

**A.**  Hóa chất. **B.**  Năng lượng. **C.**  Luyện kim. **D.**  Cơ khí.

**Câu 14:** Chất lượngcủa dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa được thể hiện qua tiêu chí nào sau đây?

**A.** Khối lượng luân chuyển. **B.** Cự li vận chuyển trung bình.

**C.** Khối lượng vận chuyển. **D.** Sự tiện nghi và an toàn.

**Câu 15:** Kênh đào Xuy-ê nối liền Địa Trung Hải với biển nào sau đây?

**A.** BiểnBắc. **B.** Biển Ban-tích. **C.** Biển Đen. **D.** Biển Đỏ.

**Câu 16:** Ngành vận tải đường hàng không và đường biển có chung đặc điểm là

**A.** tốc độvận chuyển rất chậm. **B.** giá rẻ, tiện nghi, rất cơ động.

**C.** khối lượng luân chuyển lớn. **D.** lưu thông nội địa, quốc tế.

**Câu 17:** Điểm công nghiệp có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Có rất nhiều xí nghiệp nòng cốt. **B.** Có nhiều ngành công nghiệp.

**C.** Gồm một đến hai xí nghiệp. **D.**  Là vùng lãnh thổ rộng lớn.

**Câu 18:** Ngành nào sau đây có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân?

**A.**  Du lịch. **B.**  Chăn nuôi. **C.**  Trồng trọt. **D.**  Công nghiệp.

**Câu 19:** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây thường không có mối liên hệ sản xuất với các xí nghiệp khác?

**A.**  Khu công nghiệp. **B.**  Điểm công nghiệp.

**C.**  Vùng công nghiệp. **D.**  Trung tâm công nghiệp.

**Câu 20:** Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có ảnh hưởng nhiều nhất đến ngành nào sau đây?

**A.**  Du lịch. **B.**  Dịch vụ. **C.**  Cơ khí. **D.**  Nông nghiệp.

**Câu 21:** Nhân tố có ảnh hưởng mang tính quyết định đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là

**A.** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật. **B.** sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

**C.** Nguồn vốn đầu tư, khoa học công nghệ. **D.** Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.

**PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm ):**

**Câu 1** *(1,5 điểm).*Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung.

**Câu 2** *(1,5 điểm).*Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.

**------ HẾT ------**

*Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

*Họ và tên học sinh: ..............................................................; Số báo danh: .....................*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**  **Môn: ĐỊA LÍ – Lớp 10**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề) |
| **TỈNH QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC |
|  |

***ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **B** | **6** | **A** | **11** | **C** | **16** | **D** | **21** | **B** |
| **2** | **B** | **7** | **D** | **12** | **A** | **17** | **C** |  |  |
| **3** | **D** | **8** | **A** | **13** | **B** | **18** | **D** |  |  |
| **4** | **C** | **9** | **B** | **14** | **D** | **19** | **B** |  |  |
| **5** | **A** | **10** | **A** | **15** | **D** | **20** | **D** |  |  |

***ĐÁP ÁN TỰ LUẬN***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***CÂU*** | ***NỘI DUNG*** | ***ĐIỂM*** |
| ***1*** | **Trình bày đặc điểm của khu công nghiệp tập trung** | ***1,5*** |
| * Khu vực có ranh giới rõ ràng; có vị trí thuận lợi. | *0,5* |
| * Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao. Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp. | *0,5* |
| * Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa để xuất khẩu | *0,5* |
| ***2*** | **Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải** | ***1,5*** |
| * Điều kiện tự nhiên quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình giao thông vận tải. | *0,5* |
| * Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình giao thông vận tải. | *0,5* |
| * Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động các phương tiện vận tải. | *0,5* |